

P. Thịnh Đán, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH
dự toán ngân sách phường và kế hoạch các hoạt động tài chính khác
phường Thịnh Đán năm 2023
(trình HĐND)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2023 thành phố Thái Nguyên;

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ phường Thịnh Đán về nhiệm vụ phát triển kinh tế - phường hội của địa phương năm 2023; cụ thể:

I. PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

1. Căn cứ và nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách:

Xây dựng dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023 phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách giữa ngân sách tỉnh với ngân sách thành phố, ngân sách phường, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Dự toán xây dựng phải đảm bảo sự phát triển, đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách, các hoạt động có tính chất thường xuyên, liên tục và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2023 mà Đảng bộ xã đã đề ra. Dự toán chi ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước của HĐND thành phố, các quy định của pháp luật về chính sách, chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Dự kiến dự toán thu chi ngân sách năm 2023

2.1. Tổng thu Ngân sách phường năm 2023: 8.182.816.000đ

Trong đó:

-Thu điều tiết ngân sách: 1.427.200.000đ

-Thu bổ sung ngân sách: 4.237.179.000đ

-Thu chuyên nguồn thực hiện cải cách tiền lương:2.518.437.000đ

2.2. Tổng chi ngân sách xã năm 2023:8.182.816.000đ

-Chi thường xuyên:5.552.128.000đ

-Chi dự phòng Ngân sách:112.251.000đ

-Chi thực hiện chính sách tiền lương: 2.518.437.000đ

3. Thu chi các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của xã năm 2023.

- Các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch vận động các loại quỹ xã hội, nhân đạo, từ thiện.. theo quy định. Ủy ban MTTQ phường phối hợp với các đoàn thể vận động thu quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Vì người nghèo, Trẻ thơ, Da cam, Chữ thập đỏ, Chăm sóc người cao tuổi, Khuyến học, quỹ phòng chống thiên tai năm 2023.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH

1. Về thu ngân sách:

- Rà soát các hộ kinh doanh trên địa bàn đủ điều kiện đưa vào quản lý thuế, nắm chắc các nguồn thu và đối tượng thu nộp ngân sách trên địa bàn, phát hiện những hộ phát sinh mới đưa vào quản lý.

- Tập trung quản lý chặt chẽ các hộ kinh doanh, thường xuyên kiểm tra các hộ kinh doanh có đơn nghỉ nhưng vẫn hoạt động kinh doanh, tăng cường công tác giám sát kê khai, nộp thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ.

- Duy trì hoạt động có hiệu quả Đội chống thất thu thuế do Chủ tịch UBND phường trực tiếp làm đội trưởng, các thành phần gồm cán bộ đội thuế, công an, tư pháp, địa chính, trưởng xóm...để khai thác các nguồn thu như các hộ kinh doanh mới phát sinh, những hộ kinh doanh chưa nộp thuế, phí lệ phí...

2. Về chi ngân sách

- Đối với chi thường xuyên:

+ Quản lý chi ngân sách chặt chẽ theo đúng dự toán được giao, rà soát, sắp xếp những nhiệm vụ chi, tăng cường quản lý chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả, với nguyên tắc ưu tiên thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

+ Thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chống lãng phí, đảm bảo cân đối thu chi ngân sách. Hạn chế tối đa tổ chức các Lễ, hội, kỷ niệm, hội nghị, hội thảo không thiết thực theo. Thực hiện lồng ghép các nội dung, công việc cần xử lý, kết hợp các cuộc họp. Tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiếp khách...nhằm tiết kiệm ngân sách không thực sự cần thiết.

- Đối với chi đầu tư XDCB:

+ Tăng cường quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản: Tập trung rà soát đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đang thi công và giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách thành phố, ngân sách phường.

+ Rà soát lại các công trình đã có phê duyệt quyết toán từ thời điểm trước, nhưng đến nay vẫn chưa tắt toán, làm thủ tục đề nghị kho bạc tắt toán công trình.

3. Quản lý thu chi các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của phường.

Quỹ công chuyên dùng được quản lý tại UBND phường qua tài khoản tiền gửi của Kho bạc Thành phố, các nhiệm vụ chi theo đúng qui chế chi tiêu của các quỹ được xây dựng và thông qua HĐND phường phê duyệt.

Trên đây là thuyết minh dự kiến phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn phường Thịnh Đán trình đại biểu HĐND kỳ thứ 5./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các vị đại biểu dự kỳ họp HĐND;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nam

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình HĐND)



Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	8 182 816 000	TỔNG SỐ CHI	8 182 816 000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	310.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1 117 200 000	II. Chi thường Xuyên	5 552 128 000
III. Thu bổ sung	4 237 179 000	III. Dự phòng	112 251 000
- Bổ sung cân đối	4.237.179.000	IV. Chi chuyển nguồn thực hiện chính sách tiền lương và chi đầu tư	2.518.437.000
- Bổ sung có mục tiêu			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NS	2.518.437.000		

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGUYÊN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đề nghị trình HĐND)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh tỷ lệ %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu ngân sách	31.235.180.288	10.277.186.172	12.372.000.000	8.182.816.000	39,61	79,62
A. Các khoản thu điều tiết từ thuế, phí, thu khác UBND thành phố giao	23.130.177.501	2.172.183.385	12.372.000.000	1.427.200.000	53,49	65,70
I/ Các khoản thu 100%	434.922.820	434.922.820	310.000.000	310.000.000	71,28	71,28
1. Phí môn bài	125.300.000	125.300.000	130.000.000	130.000.000	103,75	103,75
2. Phí, lệ phí	44.121.000	44.121.000	60.000.000	60.000.000	135,99	135,99
3. Thu tiền cho thuê lòng lề đường	12.170.000	12.170.000				
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	250.541.820	250.541.820	120.000.000	120.000.000	47,90	47,90
5. Thu từ quỹ đất công ích		-				
6. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	2.790.000	2.790.000			-	-
II/ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	22.695.254.681	1.737.260.565	12.062.000.000	1.117.200.000	53,15	64,31
1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	539.884.127	53.988.762	450.000.000	45.000.000	83,35	83,35
2. Lệ phí trước bạ nhà, đất	9.005.681.203	900.568.166	1.938.000.000	193.800.000	21,52	21,52

3. Thuế TNCN từ chuyển nhượng QSD đất	6.635.991.889	665.599.200	7.020.000.000	702.000.000	105,79	105,79
4. Thuế giá trị gia tăng	1.191.043.739	119.104.437	1.764.000.000	176.400.000	148,11	148,11
5. Thuế thu nhập cá nhân từ hộ kinh doanh	558.356.143		890.000.000		159,40	
6. Thuế tiền phạt nộp chậm tiền thuế	17.977.664					
7. Thuế tiền từ hoạt động cho thuê tài sản	65.480.000					
8. Thuế tiền sử dụng đất được nhà nước giao	4.680.840.000					
C. Thu bổ sung NS từ cấp trên	4.344.387.000	4.344.387.000	-	4.237.179.000	-	97,53
1. Thu bổ sung cân đối NS	4.344.387.000	4.344.387.000		4.237.179.000	-	97,53
2. Thu bổ sung có mục tiêu		-				
D. Thu chuyển nguồn ngân sách	3.760.615.787	3.760.615.787		2.518.437.000	-	66,97
E. Thu kết dư ngân sách						



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2022				Dự toán năm 2023				So sánh (%)	
	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	
Tổng số chi ngân sách	4.972.225.000	-	9.444.512.068	8.182.816.000	-	8.182.816.000	164,57		86,64	
I/ Chi đầu tư phát triển	-							100		
IV/ Chi thường xuyên	4.972.225.000		6.385.884.975	5.552.128.000	-	5.552.128.000	111,66		86,94	
1. Chi dân quân tự vệ, ANTT	656.919.436		828.228.000	881.244.000		881.244.000	134,15		106,40	
- Chi dân quân tự vệ	406.359.436		460.517.000	507.440.000		507.440.000	124,87		110,19	
- Chi an ninh trật tự	250.560.000		367.711.000	373.804.000		373.804.000	149,19		101,66	
2. Sự nghiệp văn hoá, thông tin	71.700.000		90.000.000	123.000.000		123.000.000	171,55		136,67	
3. Sự nghiệp thể dục thể thao	48.571.440		25.000.000	25.000.000		25.000.000	51,47		100,00	
4. Sự nghiệp xã hội	140.088.000		219.283.000	70.085.000		70.085.000	50,03		31,96	
-Hưu,thời việc và trợ cấp khác	105.404.000		60.283.000	60.085.000		60.085.000	57,00		99,67	
- Sự nghiệp xã hội khác	34.684.000		159.000.000	10.000.000		10.000.000	28,83		6,29	
5. Cho hoạt động kinh tế	9.900.000		9.900.000	-						

6. Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	4.054.946.124		5.223.473.975	4.452.799.000		-	4.452.799.000	109,81	85,41
- Quản lý Nhà nước	2.707.108.805		3.492.193.975	2.707.534.000		2.707.534.000	100,02	77,53	
- Đảng	560.000.000		783.052.000	620.874.000		620.874.000	110,87	79,29	
- Mặt trận tổ quốc	318.227.519		328.004.000	354.074.000		354.074.000	111,26	107,95	
- Đoàn thanh niên CSHCM	109.686.000		147.120.000	149.730.000		149.730.000	136,51	101,77	
- Hội phụ nữ Việt Nam	95.125.000		99.580.000	149.730.000		149.730.000	157,40	150,36	
- Hội cựu chiến binh Việt Nam	70.000.000		95.400.000	149.730.000		149.730.000	213,90	156,95	
- Hội nông dân Việt Nam	99.000.000		90.300.000	149.730.000		149.730.000	151,24	165,81	
- Hội chữ thập đỏ	9.700.000		24.496.000	25.104.000		25.104.000	258,80	102,48	
- Hội người cao tuổi	26.104.800		27.104.000	26.105.000		26.105.000	100,00	96,31	
- Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000		16.092.000	100,00	100,00	
- Hội đặc thù khác	43.902.000		109.932.000	104.096.000		104.096.000	237,11	94,69	
III/ Chi nguồn thực hiện CCTL			3.058.627.093	2.518.437.000		2.518.437.000			82,34
III/ Dự phòng				112.251.000		112.251.000			

KẾ HOẠCH THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

Độc lập - Minh bạch (HDND)

Ước thực hiện năm 2022

Kế hoạch năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022				Kế hoạch năm 2023			
	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch	
Tổng số	146.253.800	228.240.000	237.583.651	136.910.149	250.000.000	220.000.000	166.910.149	
I. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	146.253.800	228.240.000	237.583.651	136.910.149	250.000.000	220.000.000	30.000.000	
1. Quỹ tình nghĩa	3.268.000	64.970.000	55.596.800	12.641.200	50.000.000	40.000.000	10.000.000	
2. Quỹ trẻ thơ	16.071.000	21.990.000	36.638.990	1.422.010	28.000.000	30.000.000	(2.000.000)	
3. Quỹ vì người nghèo	69.525.000	22.030.000	47.300.000	44.255.000	40.000.000	40.000.000	-	
4. Quỹ chăm sóc người cao tuổi	6.196.000	49.430.000	24.072.861	31.553.139	40.000.000	25.000.000	15.000.000	
5. Quỹ Da cam	27.635.000	23.940.000	35.500.000	16.075.000	30.000.000	30.000.000	-	
6. Quỹ phòng chống thiên tai	91.300	23.920.000	23.920.000	91.300	35.000.000	35.000.000	-	
7. quỹ ANQP				-			-	
8. Quỹ nhân đạo	23.467.500	21.960.000	14.555.000	30.872.500	27.000.000	20.000.000	7.000.000	
9. Quỹ khuyến học								